TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ–ST
Ngày: 24-01-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Lý;

2. Ông Nguyễn Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21/11/2023, về "*ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày: 11/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm: 1981, cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị Ngọc B, sinh năm: 1973, cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Ú trình bày:

Ông Nguyễn Văn Ú và bà Dương Thị Ngọc B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 28/12/2007. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Khi cưới nhau, hai vợ chồng sống nhà trọ, mẹ ruột ông Út t cho một phần đất để vợ chồng cất nhà trên đất sinh sống. Từ năm 2021, vợ chồng sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông Ú từng nộp đơn khởi

kiện yêu cầu ly hôn đến Tòa án C, tỉnh Long An, sau đó rút đơn do bà B năn nỉ, hứa thay đổi. Nguyên nhân ông Ú yêu cầu ly hôn là do bà B thường đánh ông Ú, xách dao hâm dọa ông Ú, đánh từ trên đầu ông Ú đánh xuống, bà B chửi chị chồng và mẹ chồng; không tôn trọng gia đình chồng. Từ khi dịch bệnh Covid xảy ra, ông Ú không tạo ra thu nhập nên bà B hay la chửi ông. Ông Ú và bà B không còn sống chung khoảng hơn 02 tháng nay. Ông Ú về bên nhà mẹ ruột ở. Thời gian không sống chung, ông Ú và bà B không có giải pháp để đoàn tụ. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Ú yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Ú yêu cầu ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông Ú, bà B có một người con chung: Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2009. Hiện tại bà B đang nuôi dưỡng cháu T. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông Ú đồng ý để bà B nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Dương Thị Ngọc B trình bày: Vợ chồng bà B cưới nhau năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, do quen biết. Khi cưới nhau, hai vợ chồng sống ở nhà mẹ ruột ông Ú một thời gian thì ở riêng. Sau đó, mẹ của ông Út t cho một phần đất để vợ chồng cất nhà sinh sống. Khoảng 03 năm nay, bà B cho rằng ông Ú có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, tên là Nguyễn Thị Kiều N, 48 tuổi, không biết địa chỉ cụ thể. Ông Ú từng gửi đơn khởi kiện đến Tòa án Cần Giuộc xin ly hôn, sau đó rút đơn khởi kiện. Vợ chồng sống với nhau nhưng kinh tế cả hai tự lập, mỗi người tự làm và tự sống. Vợ chồng có đánh nhau. Bà B và ông Ú không còn sống chung từ ngày 01/10/2023 đến nay. Thời gian không sống chung, ông Ú và bà B không có giải pháp để đoàn tụ. Bà B không đồng ý ly hôn với ông Ú.

Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2009, hiện cháu T đang sống chung với bà B. Nếu Tòa án cho ly hôn, bà B yêu cầu nuôi dưỡng cháu T, ông Ú không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ú. Ông Nguyễn Văn Ú được ly hôn với bà Dương Thị Ngọc B.

Về con chung: Bà Dương Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2009. Về cấp dưỡng: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 28/12/2007 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An cấp thì ông Ú và bà B là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Ông Ú, bà B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông Ú, bà B trình bày là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, gây thương tích cho nhau. Lời khai này phù hợp nội dung xác minh của Công an xã L ngày 20/12/2023: Ông Ú, bà B đã bị công an xã L xử phạt hành chính về hành vi "*đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình ngày 10/6/2020. Mỗi người bị phạt số tiền là 1.250.000 đồng*". Hiện, vợ chồng không còn sống chung. Trong thời gian không sống chung, ông Ú, bà B không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông Ú, bà B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông Ú là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Ông Ú, bà B có một người con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2009. Hiện tại bà B đang nuôi dưỡng cháu T. điều kiện sống của cháu đã ổn định. Tại phiên tòa, ông Ú, bà B thống nhất để bà B tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao bà B tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2009. Việc giao cháu T cho bà B nuôi dưỡng cũng phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của cháu.

Về mức cấp dưỡng: Bà B không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ú, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Ông Ú phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí ông Ú đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010729, ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ú đối với bà Dương Thị Ngọc B.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Ú được ly hôn với bà Dương Thị Ngọc B.

2. Về con chung: Bà Dương Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2009.

Về cấp dưỡng: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Ông Ú phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí ông Ú đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010729, ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tuyết N1n Thị Kim Cương Nguyễn Thị Thanh V1

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Phước Lại;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thanh Lâm